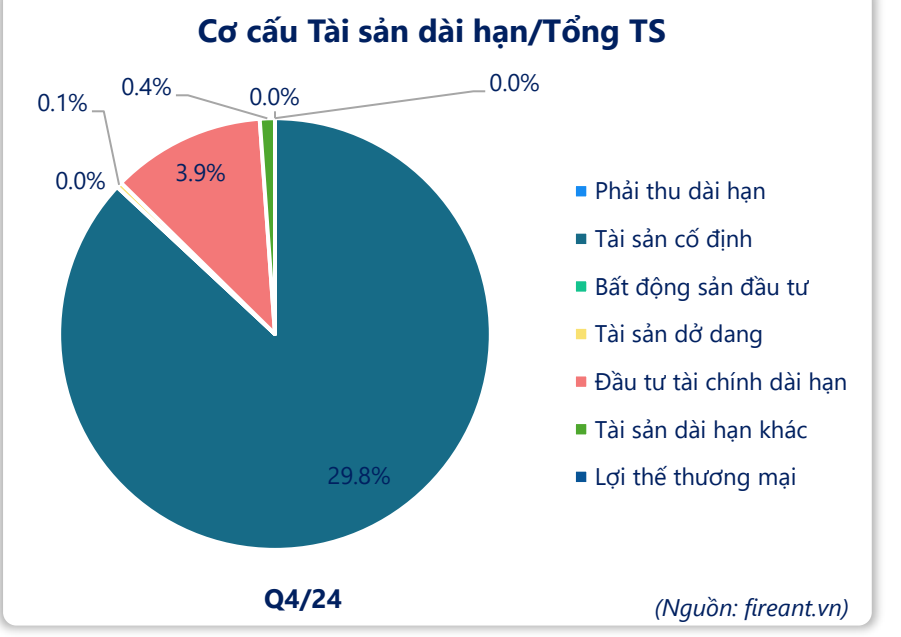
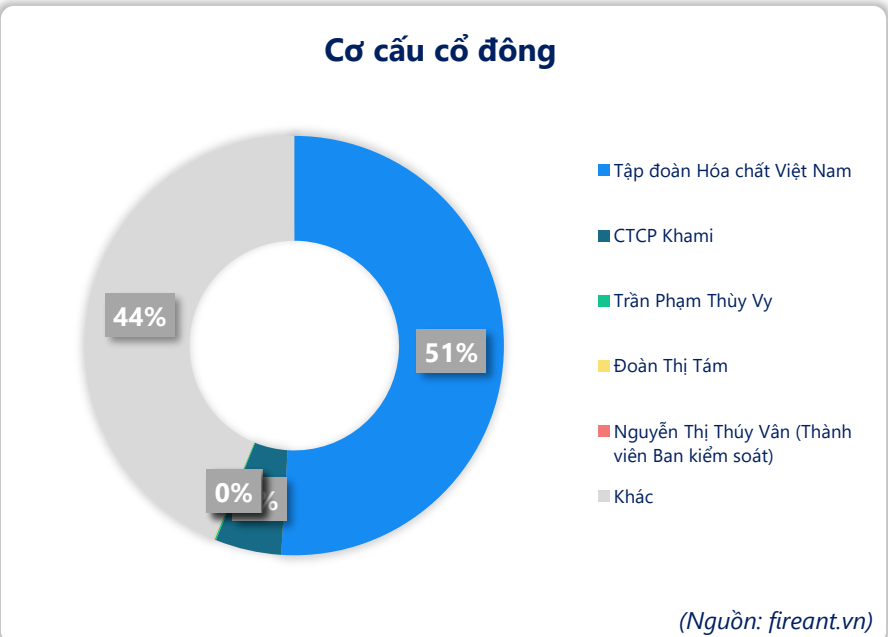
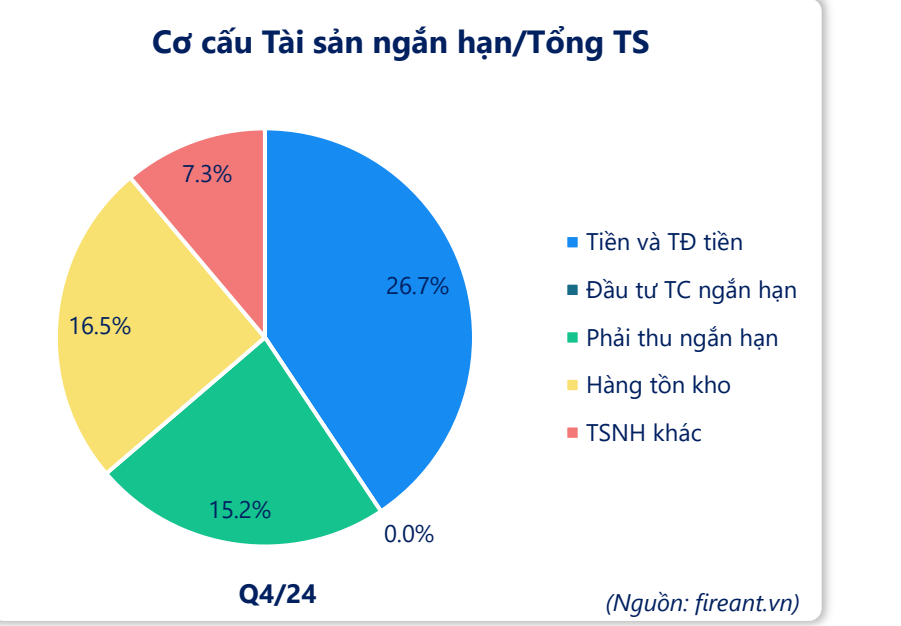
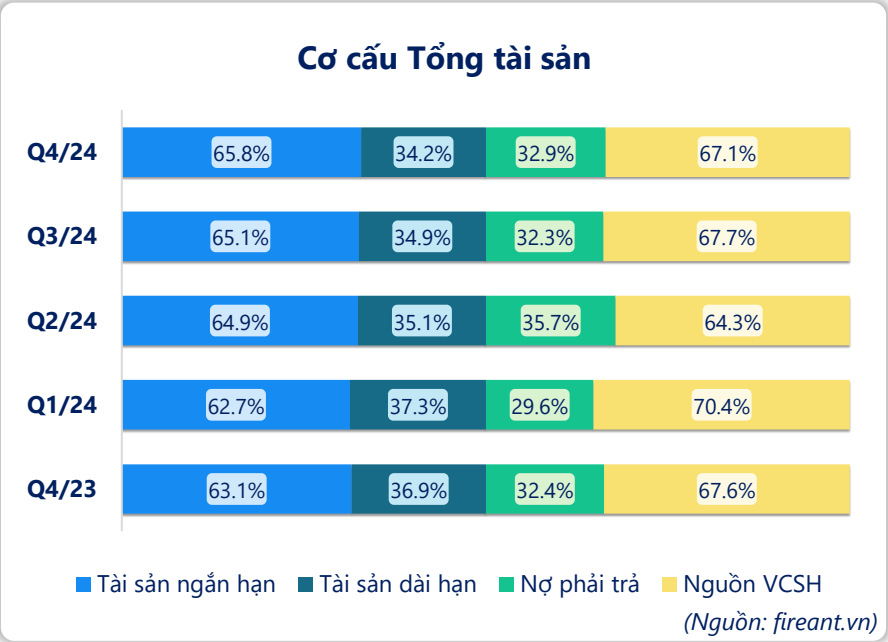
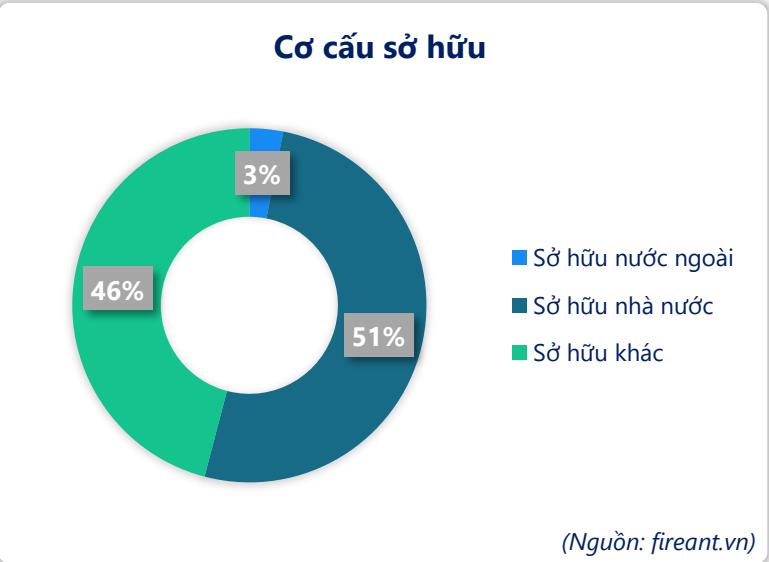
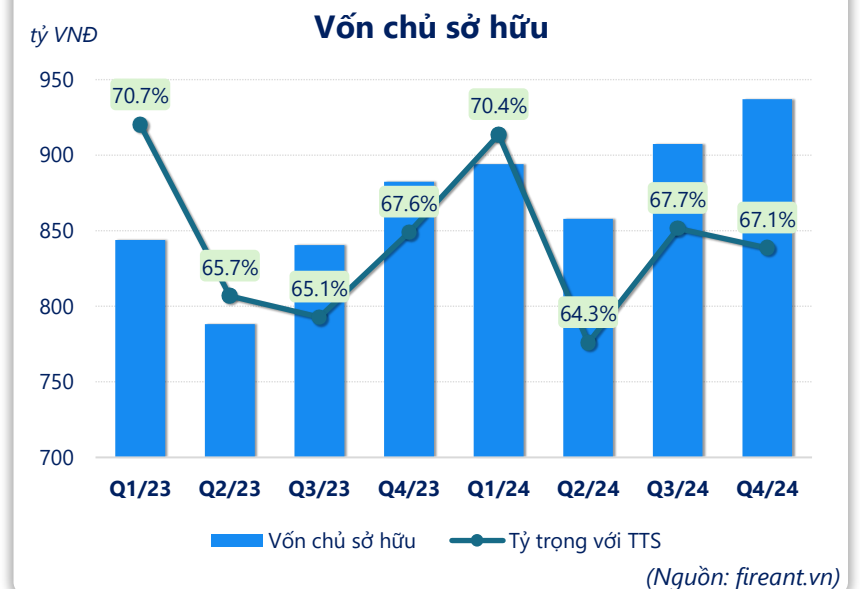
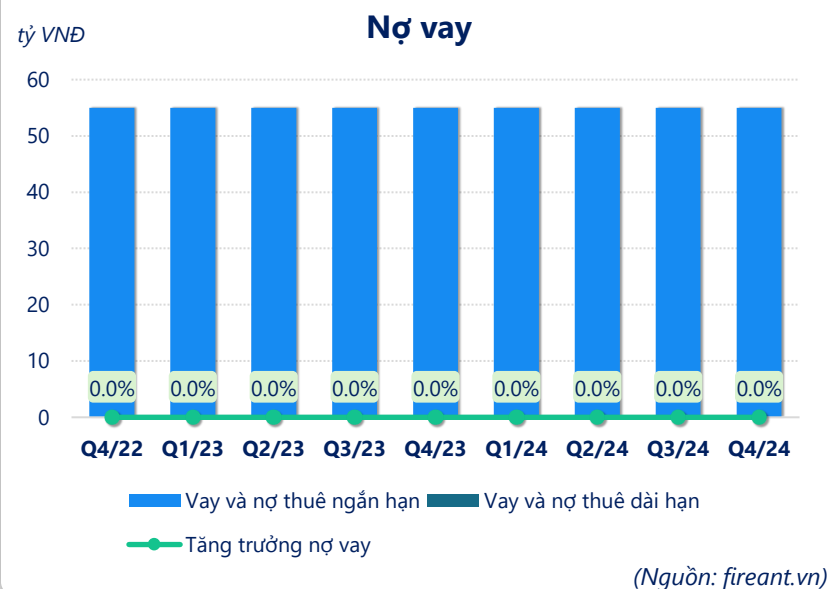
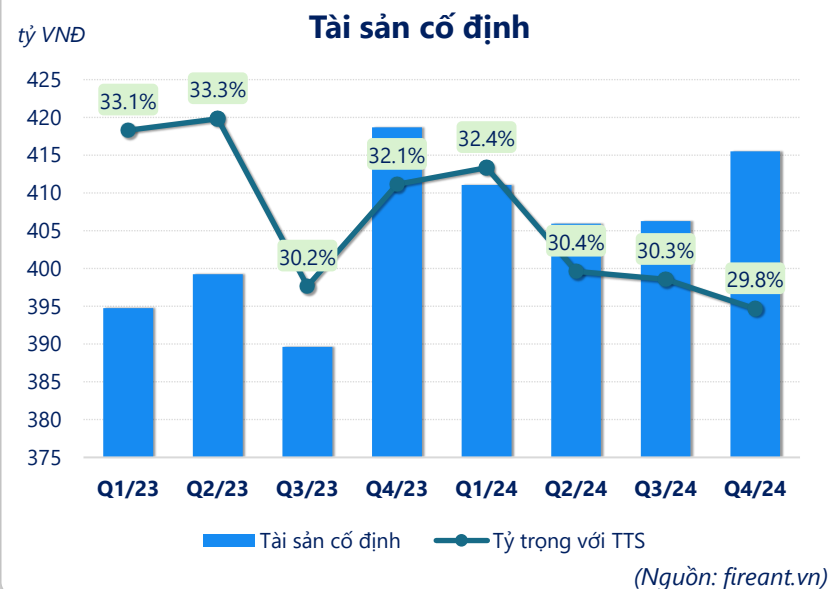
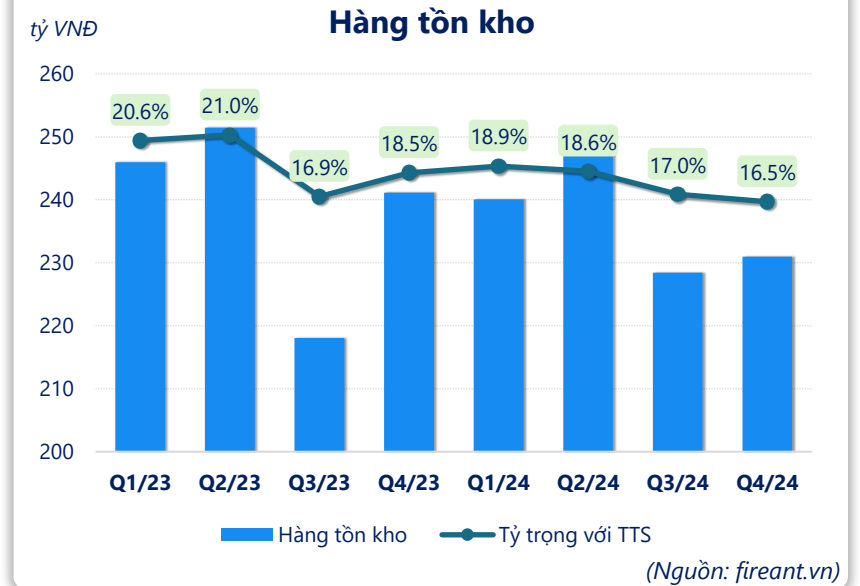
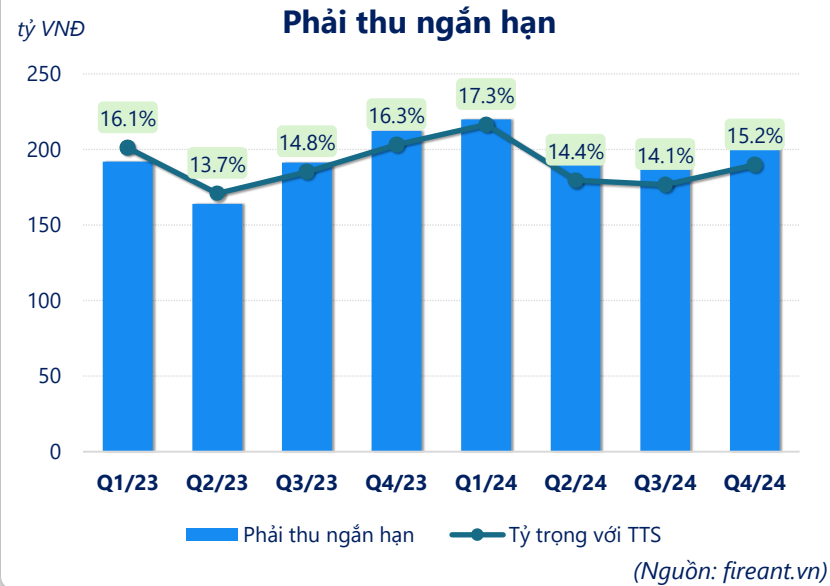
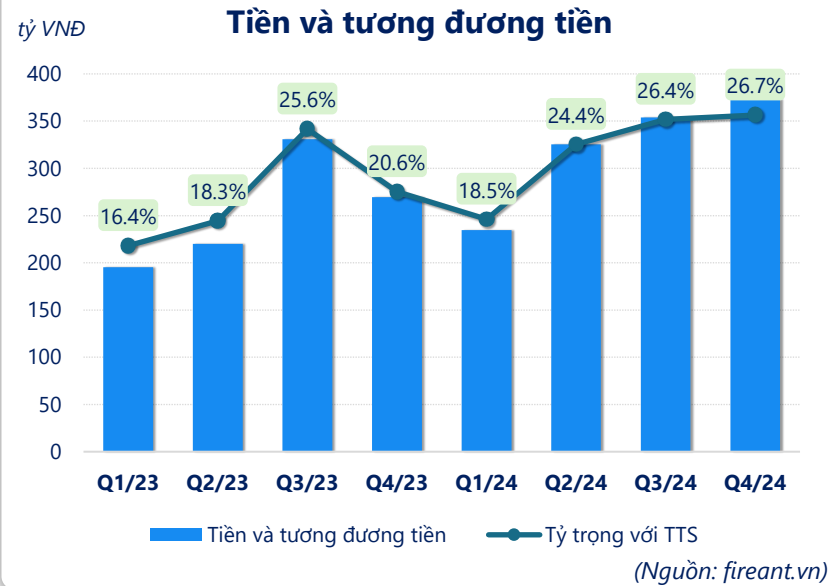
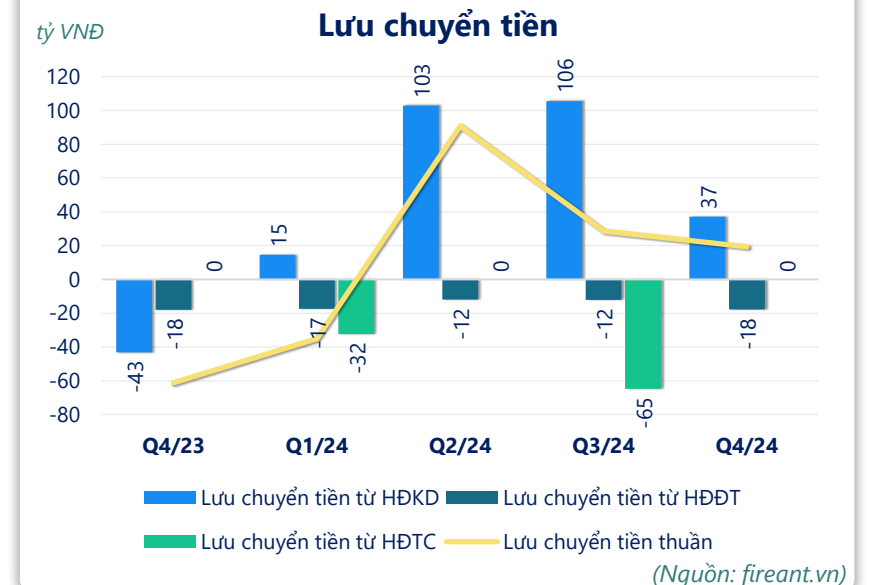
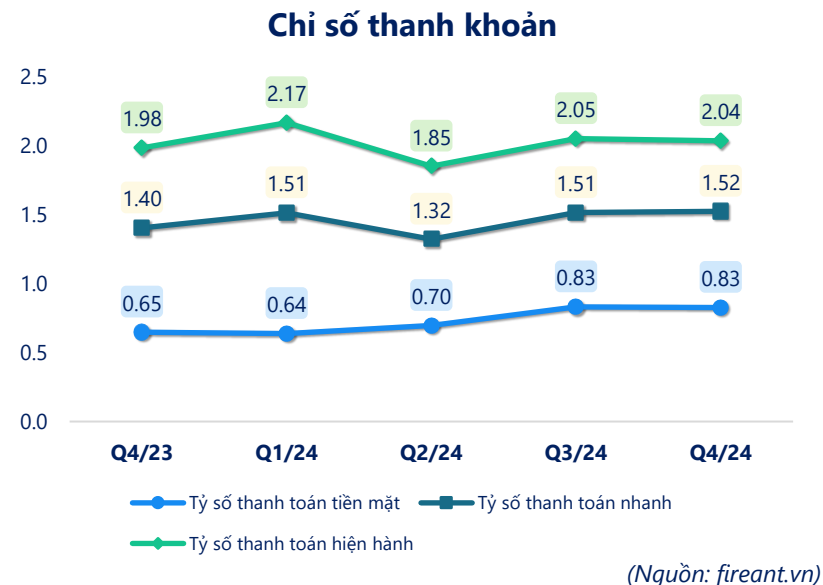
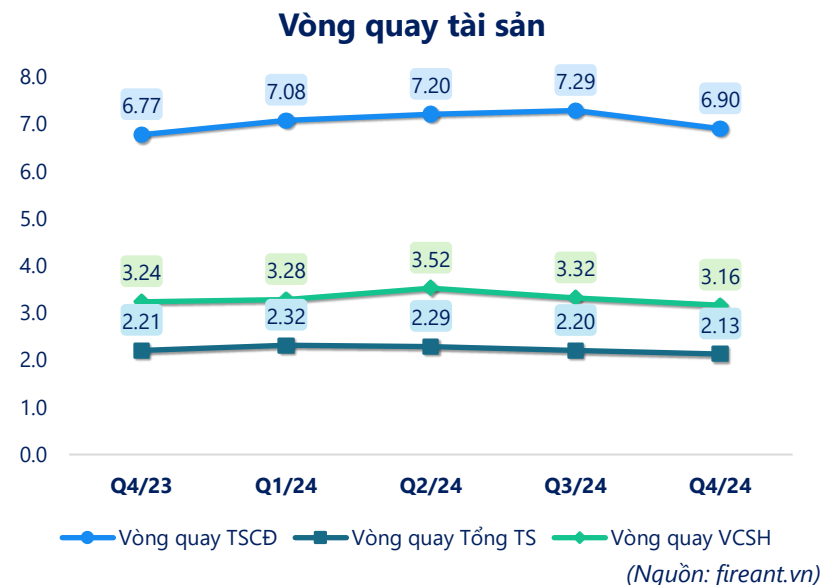
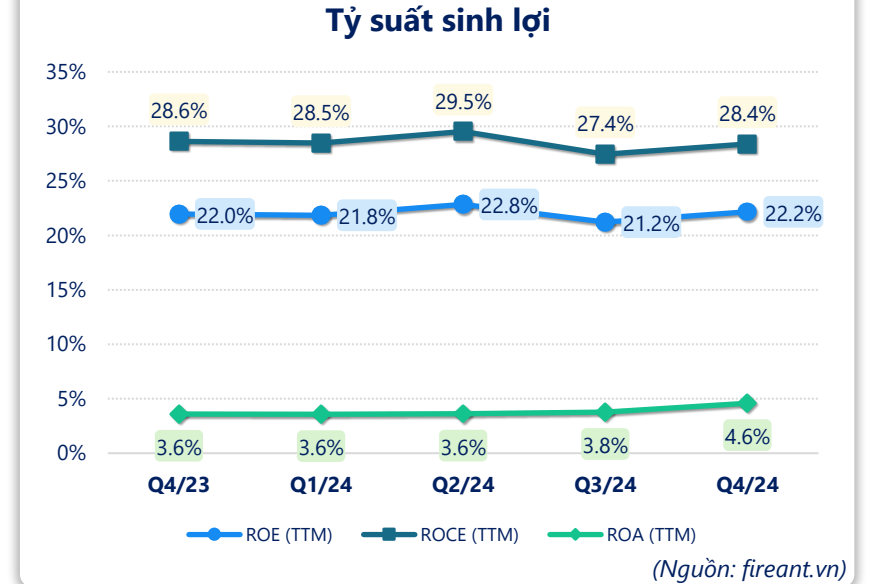
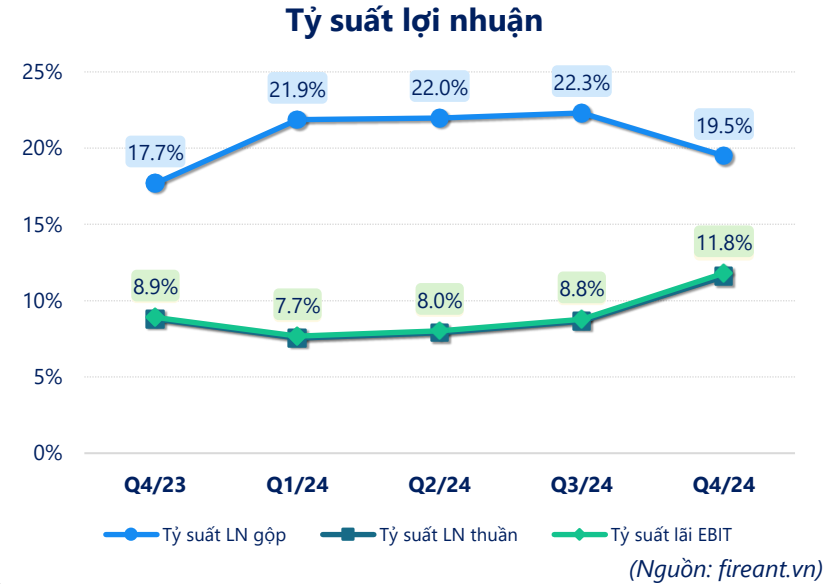
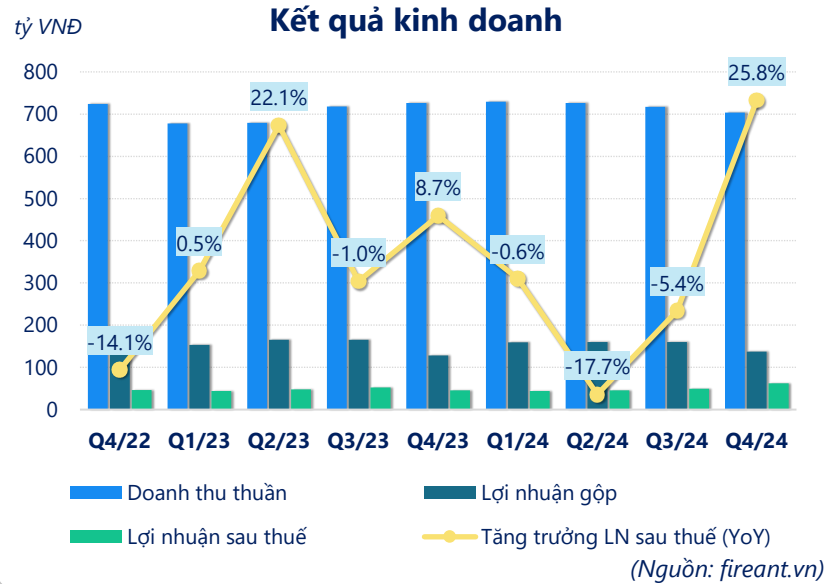


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		33,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		40,698
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,716
SL cổ phiếu LH		64,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		102,995
% sở hữu nước ngoài		3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,171
P/E		10.8
EPS		3,110

	YTD	1T	3T	6T
LIX		7.6%	-0.6%	-10.9%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,396	1,306	6.9%
Tài sản ngắn hạn	919	824	11.4%
Tiền và tương đương tiền	373	270	38.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	212	212	-0.1%
Hàng tồn kho	231	241	-4.2%
Tài sản ngắn hạn khác	102	101	0.8%
Tài sản dài hạn	478	482	-0.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	416	419	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.00	1.10	82.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	55.0	55.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	5.41	6.77	-20.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	460	424	8.5%
Nợ ngắn hạn	451	416	8.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.0	55.0	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	209	231	-9.7%
Nợ dài hạn	8.41	8.04	4.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	937	882	6.2%
Vốn chủ sở hữu	937	882	6.2%
Vốn điều lệ	648	324	100%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	726	730	726	717	704
Giá vốn hàng bán	598	570	567	557	567
Lợi nhuận gộp	128	160	160	160	137
Doanh thu HĐTC	4.17	2.56	3.07	3.97	5.51
Chi phí TC	1.36	1.15	1.52	1.88	1.50
Chi phí lãi vay	0.97	0.96	0.96	0.97	0.97
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	31.5	66.1	61.9	58.5	19.6
Chi phí QLDN	35.9	39.8	42.0	41.4	40.1
LN thuần từ HĐKD	63.9	55.1	57.3	62.1	81.5
Lợi nhuận khác	-0.18	0.00	0.00	-0.08	0.61
LN trước thuế	63.7	55.0	57.4	62.0	82.1
Lợi nhuận sau thuế	45.8	44.0	45.9	49.6	62.0
LNST của CĐ cty mẹ	45.8	44.0	45.9	49.6	62.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-43.3	14.6	103	106	37.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.0	-17.3	-12.0	-12.1	-17.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-32.4	0	-64.8	0
Tiền đầu kỳ	331	270	234	325	354
Lưu chuyển tiền thuần	-61.2	-35.2	90.8	28.7	19.3
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0	0.00	0.00	0.04
Tiền cuối kỳ	270	234	325	354	373

(Nguồn: fireant.vn)